

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST

Ngày 11 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thời (Giáo viên)
Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3856/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Phan Văn Tuấn A, sinh ngày 21/3/2005, tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966; chưa có vợ con; bị cáo có 01 người anh sinh năm 1994;

Nhân thân của bị cáo: Ngày 02/02/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HSST (bị cáo bị kết án về tội “Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự, là tội phạm nghiêm trọng, khi chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích).

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2023 cho đến nay; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đức D – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; (Có mặt).

- Bị hại: Cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 10/5/2010. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (Có mặt).

Người giám hộ của cháu B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Võ Vũ L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/4/2023, Phan Văn Tuấn A nhắn tin làm quen, trò chuyện với Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 10/5/2010 thông qua mạng xã hội Facebook và M. Đến khoảng 12 giờ ngày 18/4/2023, Tuấn A và B hẹn đi chơi biển T, huyện B rồi đến uống nước tại quán cà phê chòi tên “Thắm” thuộc ấp T, xã T, huyện B. Sau đó, Tuấn A rủ B quan hệ tình dục thì B đồng ý. Do nằm trên võng không quan hệ tình dục được nên cả hai đi vào nhà vệ sinh của quán cà phê rồi đóng cửa lại, B kêu Tuấn A vặn chui cho bóng đèn tắt, sau đó Tuấn A cởi quần của mình và B xuống khỏi đầu gối, Tuấn A ngồi lên bồn cầu, B quay lưng vào mặt của Tuấn A, Tuấn A xé bao cao su đeo vào dương vật tiến hành giao cấu với B khoảng 01 đến 05 phút thì xuất tinh, cả hai kéo quần lên rồi trở lại võng nằm nghỉ khoảng 10 phút thì B chở Tuấn A về.

Đến ngày 20/4/2023, do trước đó có rủ B đi tìm việc làm nên Tuấn A điều khiển xe máy đến đón và chở B đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc. Nhưng do trời tối nên Tuấn A chở B vào nhà nghỉ A1 thuộc Ấp B, xã B, thành phố B thuê phòng số 25 ngủ qua đêm để sáng hôm sau sẽ đi tiếp. Tại đây, Tuấn A rủ B quan hệ tình dục thì B đồng ý. Sau đó, Tuấn A tự cởi quần áo của mình và cởi quần áo của B, thực hiện hành vi giao cấu khoảng 4 phút thì xuất tinh vào âm đạo của B rồi cả hai mặc quần áo nằm ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 21/4/2023 thì trả phòng, Tuấn A chở B đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm nhưng gia đình tìm gặp và đưa B về đồng thời trình báo với Công an xã T, huyện B sự việc nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, có số seri: 739ec285, số IMEI 1: 866967044231598, số IMEI2: 866967044231580, loại màn hình cảm ứng, tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 01 (một) SIM có dãy số: 8984048000312077324 do Phan Văn Tuấn A giao nộp.

- Kết luận giám định số: 188-23/KLTDTE-TTPYBT ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận đối với Nguyễn Thị Ngọc B như sau: "Màng trinh vị trí 03 giờ, 09 giờ có vết rách cũ sâu đến chân màng trinh; Khẩu kính lỗ màng trinh 02cm; Hiện tại Nguyễn Thị Ngọc B không mang thai".

- Kết luận giám định trẻ em bị hành hạ, ngược đãi (giám định bổ sung) số: 325/KLNDTE-TTPYBT ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B đối với Nguyễn Thị Ngọc B về tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định phần

trầm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần. Hiện tại trên cơ thể của Nguyễn Thị Ngọc Bích không có thương tích để xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Kết luận giám định số: 3732/KL-KTHS ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Thân V1 tại Thành phố Hồ Chí Minh đối mẫu dịch âm đạo của bị hại Nguyễn Thị Ngọc B như sau: Phân tích gen (AND) từ mẫu dịch âm đạo của Nguyễn Thị Ngọc Bích được: Một kiểu gen nữ giới; Một kiểu gen nam giới trùng với kiểu gen của Phan Văn Tuấn A.

- Kết luận giám định số: 429/2023/KL-KTHS ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B đối với điện thoại của Phan Văn Tuấn A, kết luận như sau:

Trích xuất dữ liệu về danh bạ, nhật ký cuộc gọi (đi và đến), tin nhắn SMS (đi và đến), Facebook, M lưu trong điện thoại di động gửi giám định (ký hiệu A). Dữ liệu trích xuất được lưu trong 01 (một) tập tin (folder) kèm theo kết luận giám định này. Kèm theo kết luận giám định (nếu có): 01 (một) tập tin (folder) tên: Du lieu trích xuất điện thoại ký hiệu A.iso”, dung lượng: 7,058,817,024bytes; có mã MD5: 1BADF1C3792258EAD8EAC547F17DDC0C”.

Tại biên bản làm việc với bị can Phan Văn Tuấn A vào ngày 30/8/2023 về việc kiểm tra thiết bị lưu trữ kèm kết luận giám định này xác định không có trích xuất được thông tin nào liên quan đến việc nhắn tin giữa bị can Tuấn A với bị hại B, phù hợp lời khai của bị can Tuấn A khai đã xóa toàn bộ tin nhắn giữa bị can và bị hại B.

Kết quả thực nghiệm điều tra: Bị can Phan Văn Tuấn A xác định lại được 02 hiện trường vụ án và tự thực hiện được hành vi, diễn biến phù hợp với lời khai của bị can, bị hại, người có liên quan và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra, Phan Văn Tuấn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi đã nêu trên. Bị can tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị can.

Tại Bản cáo trạng số: 70/CT-VKSBT-P1 ngày 25/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phan Văn Tuấn A về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn Tuấn A khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ đã thu thập.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phan Văn Tuấn A. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị xử lý:

- Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Phan Văn Tuấn A phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 142; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị: Xử phạt bị cáo Phan Văn Tuấn A từ 08 năm đến 09 năm tù;

Áp dụng Điều 65, Điều 56; Điều 55 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Phan Văn Tuấn A phải chấp hành hình phạt 01 năm 06 tháng tù theo bản án số 05/2023/HS-ST ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và tổng hợp hình phạt với bản án mới.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 592 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, có số seri: 739ec285, số IMEI 1: 866967044231598, số IMEI2: 866967044231580, loại màn hình cảm ứng, tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 01 (một) SIM có dãy số: 8984048000312077324 (hiện nay do Cục thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý).

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn Tuấn A trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố Phan Văn Tuấn A về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có học vấn thấp nên ảnh hưởng đến khả năng nhận thức; bị cáo chủ quan không tìm hiểu kỹ về độ tuổi của bị hại trong quá trình quen biết bị hại. Trong quá trình quan hệ tình dục có một phần lỗi của bị hại; về hậu quả không lớn, không gây tổn hại gì về sức khỏe cho bị hại.

Xét thấy, mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; do đó đề nghị mức án đối với bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù là phù hợp.

Về vật chứng: Điện thoại mà bị cáo giao nộp cho cơ quan điều tra không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày:

Nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đã đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo Tuấn A, đề nghị xử bị cáo mức hình phạt 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 10.000.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Bị cáo Phan Văn Tuấn A nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xuất phát từ dục vọng cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên vào ngày 18/4/2023 và ngày 20/4/2023, tại quán cà phê “Thắm” ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và nhà nghỉ A1 thuộc ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, được sự đồng ý của cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 10/5/2010, Phan Văn Tuấn A đã thực hiện hành vi giao cấu 02 lần khi cháu B chưa đủ 13 tuổi.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi giao cấu với cháu B. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Bản cáo trạng số: 70/CT-VKSBT-P1 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phan Văn Tuấn A về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 142 Bộ luật hình sự quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

đ) Phạm tội 02 lần trở lên.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức rõ việc xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, đặc biệt hơn là đối với trẻ em là đối tượng được Nhà nước, xã hội và gia

đình chăm sóc bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của bị hại, gây phần nộ và gây tâm lý hoang mang đối với cộng đồng dân cư địa phương và dư luận xã hội. Tại thời điểm xâm hại cháu B thì bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại. Tại thời điểm bị xâm hại, tuy có sự đồng ý của cháu B nhưng cháu đang ở độ tuổi của trẻ em (chưa đủ 13 tuổi).

[3.2] Xét về nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án:

Mặc dù bản thân bị cáo đang chấp hành hình phạt 01 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (theo bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm) nhưng đến ngày 18/4/2023 và ngày 20/4/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Như vậy, có thể thấy rằng ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không tốt, do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử theo bản án nêu trên khi chưa đủ 18 tuổi nên không xem xét là tiền án đối với bị cáo.

[3.3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thể hiện sự thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, đại diện bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, mặc dù đang bị tạm giam nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại; bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo có chú là liệt sĩ nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3.5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 65, Điều 56; Điều 55 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Phan Văn Tuấn A phải chấp hành hình phạt 01 năm 06 tháng tù theo bản án số 05/2023/HS-ST ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và tổng hợp hình phạt với bản án mới là phù hợp được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo tác động gia đình đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại và đại diện của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, có số se-ri: 739ec285, số IMEI 1: 866967044231598, số IMEI2: 866967044231580, loại màn hình cảm ứng, tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 01 (một) SIM có dãy số: 8984048000312077324 do Phan Văn Tuấn A giao nộp.

Xét thấy, điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị trả lại điện thoại cho bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Đề nghị về trách nhiệm dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 142; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn Tuấn A phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Tuấn A 08 (T1) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 01/8/2023.

Áp dụng Điều 65, Điều 56, Điều 55 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Phan Văn Tuấn A phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo bản án Hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và tổng hợp với bản án mới.

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 01/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo Phan Văn Tuấn A đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. T2:

Trả lại cho bị cáo Phan Văn Tuấn A 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, có số se- ri: 739ec285, số IMEI 1: 866967044231598, số IMEI2: 866967044231580, loại màn hình cảm ứng, tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 01 (một) SIM có dãy số: 8984048000312077324; có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc T3, Lê Hoàng T4 và đóng dấu đỏ của phòng K Công an tỉnh B.

(Vật chứng nêu trên hiện nay do Cục Thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/11/2023).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn Tuấn A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; bị hại; người đại diện theo pháp luật của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, bị cáo (2b);
- UBND xã Thừa Đức, xã Thạnh Phước, h.Bình Đại (1b);
- ĐDHPBH (1b);
- Tòa Gia đình & NCTN, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre, hồ sơ vụ án (7b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt

